

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 2535/2023/DS - ST

Ngày: 20/7/2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tiến Dũng

2. Bà Nguyễn Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Giang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa:

Bà Võ Thị Thanh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 20/7/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 108/2023/TLST – DS ngày 17/01/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3665/2023/QĐXXST-DS ngày 29/6/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty tài chính TNHH MTV Quốc tế Việt Nam J (Viết tắt JIVF)

Địa chỉ: Nguyễn Thị Minh K, phường Võ Thị S, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông Vũ Quang C, sinh năm 1995

Địa chỉ: Nguyễn Thị Minh K, phường Võ Thị S, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. (Giấy ủy quyền số 322/2023/UQ-LM-JIVF ngày 20/7/2023)

2. Bị đơn: Bà Lương Thị C, sinh năm: 1974

Địa chỉ: phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Công ty tài chính TNHH MTV Quốc tế Việt Nam J (viết tắt JIVF) gọi tắt là Công ty do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

- Ngày 08/12/2021, bà Lương Thị C (gọi tắt là bà C) có ký hợp đồng tín dụng số 10350002217922000 với Công ty vay tiền mua xe máy theo hình thức trả góp hàng tháng. Chi tiết hợp đồng tín dụng là số tiền vay là 62.000.000 đồng (1); thời hạn vay là

24 tháng; lãi suất thỏa thuận 50,1266 %; số tiền thanh toán mỗi tháng là 4.152.498 đồng. Bà Lương Thị C đã thanh toán: Nợ gốc là 17.507.579 đồng, tiền lãi là 19.756.903 đồng, lãi quá hạn là 73.577 đồng, phí quản lý khoản vay là 108.000 đồng. Tổng cộng số tiền là 37.446.059 đồng (Ba mươi bảy triệu bốn trăm bốn mươi sáu ngàn không trăm năm mươi chín đồng). Dư nợ còn lại: Nợ gốc là 44.492.421 đồng; tiền lãi là 14.572.586 đồng; tiền lãi quá hạn (tính đến 26/4/2023) là 1.268.268 đồng; phí quản lý khoản vay là 84.000 đồng. Tổng cộng là 60.417.275 đồng. Theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng thì bà C có trách nhiệm thanh toán bao gồm gốc và lãi trong vòng 24 tháng, mỗi tháng bà C phải thanh toán cho Công ty số tiền là 4.152.498 đồng vào trước hoặc đúng ngày cuối hàng tháng cho đến khi kết thúc hợp đồng. Ngày thanh toán đầu tiên bắt đầu từ 31/12/2021, từ ngày 04/01/2022 đến ngày 12/09/2022 bà C thanh toán được cho Công ty số tiền là 37.446.059 đồng. Tuy nhiên, từ sau ngày 12/09/2022 đến nay bà C không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Việc bà C không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán đã vi phạm Điều 3; Điều 8 của hợp đồng tín dụng số 10350002217922000 ngày 08/12/2021 mà hai bên đã thỏa thuận và ký kết, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của Công ty nên Công ty khởi kiện yêu cầu buộc bà C phải thanh toán một lần toàn bộ khoản nợ cho Công ty, số tiền tạm tính đến hết ngày 26/4/2023 là 60.417.275 đồng và bà C tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 10350002217922000 ký ngày 08/12/2021

Tại phiên tòa:

- Đại diện nguyên đơn xác định lại yêu cầu khởi kiện cụ thể như sau, yêu cầu bà C thanh toán tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 20/7/2023 là: 66.819.138 đồng gồm: Nợ gốc: 44.492.421 đồng; tổng nợ lãi: 22.194.717 đồng (Trong đó: nợ lãi trong hạn: 19.766.328 đồng, nợ lãi quá hạn: 2.428.389 đồng); phí quản lý khoản vay: 132.000 đồng và chịu lãi tiếp tục phát sinh kể từ sau ngày xét xử là ngày 21/7/2023 trên số dư nợ gốc cho đến khi thanh toán hết khoản nợ theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 10350002217922000 ký ngày 08/12/2021. Đồng thời, nguyên đơn xác nhận ngoài các chứng cứ giao nộp cho Tòa án, tại phiên tòa không bổ sung tài liệu, chứng cứ nào khác. Các thủ tục về việc giao nhận tài liệu, chứng cứ cho bị đơn bên nguyên đơn đã thực hiện theo đúng quy định pháp luật.

- Bị đơn bà C đã được tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng hợp lệ từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự có mặt chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn đã được Tòa án tiến hành các thủ tục hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lý do, đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn;

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên toà cùng lời khai của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản được pháp luật quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Bị đơn đã được toà án tiến hành các thủ tục tố tụng hợp lệ từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn;

2. Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn;

- Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 10350002217922000 ngày 08/12/2021 giữa bà C và Công ty ghi nhận sự thỏa thuận của hai bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp theo quy định pháp luật. Căn cứ vào nội dung thỏa thuận, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ có cơ sở để xác nhận giữa Công ty và bà C đã phát sinh quan hệ vay tài sản theo đó Công ty đã giải ngân và bà C đã nhận số tiền vay, quá trình thực hiện hợp đồng, qua đối chiếu bản kế hoạch trả nợ và lịch sử thanh toán do nguyên đơn cung cấp thì bà C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại Điều 3; Điều 8 của hợp đồng tín dụng số 10350002217922000 ngày 08/12/2021. Quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn xác nhận giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đối với bị đơn đã được toà án tiến hành các thủ tục tố tụng hợp lệ nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, không giao nộp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án, cũng không có ý kiến nào đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập để xem xét, giải quyết vụ án.

Xét, theo quy định của pháp luật về nghĩa vụ trả nợ của bên vay thì bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán và hợp đồng đã hết hạn thanh toán nên Công ty khởi kiện yêu cầu bà C thanh toán nợ. Nhận thấy, yêu cầu này phù hợp với nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng cũng như phù hợp theo quy định pháp luật tại khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, theo đó thì trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn, nếu các bên không có thỏa thuận khác thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ, có quyền chấm dứt việc cho vay và có quyền khởi kiện khách hàng vi phạm theo quy định của pháp luật. Về phần lãi suất thì thỏa thuận về lãi suất giữa Công ty và bà C phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 cũng như quy định tại Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận. Việc bị đơn không thanh toán tiền nợ gốc, nợ lãi theo đúng thời hạn đã thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ thanh toán làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Từ những nhận định trên và căn cứ vào lời đề nghị Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận;

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật;
- Hoàn tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 40, Điều 186, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 244, Khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280, Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 357 và Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015

- Căn cứ Khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

- Căn cứ Quyết định số 1627/2001/QĐ - NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ngày 31/12/2001.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty tài chính TNHH MTV Quốc tế Việt Nam J (Viết tắt JIVF).

- Buộc bà C có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty tài chính TNHH MTV Quốc tế Việt Nam J (Viết tắt JIVF) tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 20/7/2023 là: 66.819.138 đồng gồm: Nợ gốc: 44.492.421 đồng; tổng nợ lãi: 22.194.717 đồng (Trong đó: nợ lãi trong hạn: 19.766.328 đồng, nợ lãi quá hạn: 2.428.389 đồng); phí quản lý khoản vay: 132.000 đồng.

- Bà C còn phải chịu khoản tiền lãi tiếp tục phát sinh kể từ sau ngày xét xử là ngày 21/7/2023 trên số dư nợ gốc cho đến khi thanh toán hết khoản nợ theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 10350002217922000 ký ngày 08/12/2021.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lương Thị C phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 3.340.957 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Hoàn lại cho Công ty tài chính TNHH MTV Quốc tế Việt Nam J (viết tắt JIVF) số tiền tạm ứng án phí 1.227.620 đồng theo biên lai thu số 0007793 ngày 13/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự quận Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Kim Trang